

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 143/2019/HS -PT

Ngày:04/10/2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội Đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Quế.

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Ông Trần Khánh Hồng

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Diệp Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Bá Sơn-Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 111/2019/TLPT-HS ngày 05 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ và 10 bị cáo khác đối với bản án hình sự sơ thẩm số 52/2019/HS - ST ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ** (Tên gọi khác: Không),sinh năm 1975;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm QT, xã YL, huyện ĐT, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá lớp 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đức K (đã chết) và bà Nguyễn Thị P1, Sinh năm 1954; có vợ là Tống Thị Đ1, sinh năm 1979 (hiện ly thân) có03 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/01/2019 đến ngày 28/01/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú (có mặt).

2. Họ và tên: **Phạm Văn P**(Tên gọi khác: Không),sinh năm 1987;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm TL, xã YL, huyện ĐT, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Làm ruộng;Trình độ văn hoá lớp 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Công H (đã chết)và bà Nguyễn Thị T (tên gọi khác Phạm Thị T),sinh năm 1959;

có vợ là Nguyễn Thị H1, sinh năm 1993; Chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/01/2019 đến ngày 28/01/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú (có mặt).

3. Họ và tên:**Nguyễn Văn Đ2** (Tên gọi khác: Không),sinh năm 1984;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm ĐC, xã YL, huyện ĐT, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: Không đi học; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T2 (đã chết) và bàTrần Thị V, sinh năm 1950; có vợ Phạm Thị H2, sinh năm 1994;có 01 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/01/2019 đến ngày 28/01/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú (có mặt).

4. Họ và tên:**Nguyễn Văn T1**(Tên gọi khác: Không),sinh năm 1989;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm QT, xã YL, huyện ĐT, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Làm ruộng;Trình độ văn hoá lớp 8/12;Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P2(đã chết) và bà Đặng Thị H3, sinh năm 1965; có vợ Ngân Thị T3, sinh năm 1995; có 01 con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/01/2019 đến ngày 28/01/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú (có mặt).

5. Họ và tên:**Nguyễn Văn T4**(Tên gọi khác: Không)sinh năm 1992;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm NT, xã YL, huyện ĐT, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn X (đã chết) và bàTrần Thị T5, sinh năm 1955; có vợTrịnh Thị N, sinh năm 1994; có 02 con. Con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/01/2019 đến ngày 28/01/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú (có mặt).

6. Họ và tên:**Trần Văn T6**(Tên gọi khác: Không),sinh năm 1990;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm TL, xã YL, huyện ĐT, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T7, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị T8, sinh năm 1963; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/01/2019 đến ngày 28/01/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú (có mặt).

7. Họ và tên: **Nông Đức T9** (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1992;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm TL, xã YL, huyện ĐT, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá lớp 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Đức T10 (đã chết) và bà Hoàng Thị H3, Sinh năm 1970; có vợ Nguyễn Thanh T11, sinh năm 1997; Có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Quyết định số 247 ngày 10/11/2016 của Công an huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính đối với T9 về hành vi đánh nhau (Đã chấp hành xong ngày 14/11/2016); Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/01/2019 đến ngày 28/01/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú (có mặt).

8. Họ và tên: **Phạm Văn T12** (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1987;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm TL, xã YL, huyện ĐT, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá lớp 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ3, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959; có vợ Nguyễn Thu H4, sinh năm 1990; Có 02 con. Con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại quyết định số 139 ngày 29/8/2007 của Công an thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính đối với T12 về hành vi hủy hoại tài sản; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/01/2019 đến ngày 28/01/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú (có mặt).

9. Họ và tên: **Phạm Văn Đ4** (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1988;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm TL, xã YL, huyện ĐT, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1965; có vợ Nguyễn Thị P3, sinh năm 1990 và có 03 con. Con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/01/2019 đến ngày 28/01/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú (có mặt).

10. Họ và tên: **Phạm Văn D** (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1988;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm ĐC, xã YL, huyện ĐT, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T13, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị C2, sinh năm 1960; có vợ Nguyễn Thị T14, sinh năm 1992; Có 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị

cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/01/2019 đến ngày 28/01/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú (có mặt).

11. Họ và tên:**Phạm Quốc B1** (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1989;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm TL, xã YL, huyện ĐT, tỉnh TN; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C3, sinh năm 1961 và bà Đoàn Thị D1, Sinh năm 1960; có vợ Liễu Thị N1, sinh năm 1990; Có 02 con. Con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/01/2019 đến ngày 28/01/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú. (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 22 giờ 45 phút ngày 25/01/2019, tổ công tác Công an huyện ĐT, phối hợp với Công an xã YL, huyện ĐT đã phát hiện và bắt quả tang 10 đối tượng gồm: Phạm Văn P, Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T4, Trần Văn T6, Nông Đức T9, Phạm Văn T12, Phạm Văn Đ4, Phạm Văn D, Phạm Quốc B1 đang đánh bạc dưới hình thức đánh ba cây, được thua bằng tiền tại phòng khách nhà Nguyễn Văn Đ ở xóm QT, xã YL, huyện ĐT, tỉnh TN. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với 11 người trên. Thu giữ tại chiếu bạc gồm: 36 quân bài tú lơ khơ (các quân bài từ át đến chín), 01 chiếc chiếu cói có kích thước 1,5x1,8m; số tiền 8.490.000đ. Thu giữ trên người Phạm Văn D 300.000đ; Thu giữ trên người Phạm Quốc B12 60.000đ; Thu giữ trên người Nguyễn Văn Đ2 30.000đ; Thu giữ trên người Phạm Văn P 800.000đ (Các đối tượng đều khai nhận sử dụng số tiền này vào mục đích đánh bạc). Như vậy số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc tổng cộng 9.880.000đ (chín triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng).

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn P, Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T4, Trần Văn T6, Nông Đức T9, Phạm Văn T12, Phạm Văn Đ4, Phạm Văn D, Phạm Quốc B1 đều khai nhận: Khoảng 20h30 phút ngày 25/01/2019 P, Đ2, T1, T4, T6, T9, T12, Đ4, D, B1 đến nhà Đ chơi. Sau đó cả nhóm rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh ba cây được thua bằng tiền. Đ cho mượn địa điểm phòng khách nhà Đ để đánh bạc. Đ lấy 01 bộ tú lơ khơ đưa cho cả nhóm làm công cụ đánh bạc.

Mười người thống nhất cách thức chơi như sau: Những người đánh bạc dùng 01 bộ bài tú lơ khơ chọn các quân từ quân Át (quân một) đến quân số 9. Tổng số 36 quân bài, ván đầu tiên một người bất kỳ chia cho mỗi người đánh bạc 03 quân bài, rồi cộng số điểm trên 03 quân bài để tính điểm chơi (quân át được tính là 1 điểm, điểm 10 gọi là tròn đầu). Nếu tổng các quân bài vượt quá 10, 20 thì tính hàng đơn vị của số vượt quá 10, 20 để tính điểm của người chơi. Người nào được điểm cao nhất hoặc được 10 điểm thì được cầm chương. Khi đã xác định được người cầm chương thì người cầm chương chia bài cho mỗi người đánh bạc 03 quân bài. Tất cả người đánh bạc cộng điểm trong 03 quân bài được chia để so điểm với người cầm chương và giữa những người đánh bạc khác. Nếu người nào ít điểm hơn so với người cầm chương thì phải trả tiền cho người cầm chương, ngược lại nếu nhiều điểm hơn người cầm chương thì người cầm chương phải trả tiền cho người đó. Nếu điểm số của những người đánh bạc bằng nhau thì dựa vào quân bài tính theo thứ tự rô, cơ, bích, tép để phân định thắng thua. Mỗi ván đánh bạc những người tham gia đánh bạc đánh thấp nhất 50.000 đồng. Khi cả nhóm chơi được vài ván bạc thì P, Đ2, T6, T9, T12, Đ4, D góp mỗi người 10.000đ đưa cho Đ. Đ nhận 70.000đ và chốt cửa nhà ngồi xem các đối tượng đánh bạc. Khoảng 22 giờ 45 phút ngày 25/01/2019 thì các đối tượng đã bị tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng như nêu trên.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 52/2019/HSST ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Gá bạc”; Các bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T4, Trần Văn T6, Nông Đức T9, Phạm Văn T12, Phạm Văn Đ4, Phạm Văn D, Phạm Quốc B1 phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Đ 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành hình phạt, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 26/01/2019 đến ngày 28/01/2019.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Phạm Văn P, Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T4, Trần Văn T6, Nông Đức T9, Phạm Văn T12, Phạm Văn Đ4, Phạm Văn D và Phạm Quốc B1 mỗi bị cáo 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành hình phạt được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 26/01/2019 đến ngày 28/01/2019; Phạt

bổ sung bị cáo Nguyễn Văn Đ 20.000.000đ; Các bị cáo khác mỗi bị cáo 10.000.000đ sung quỹ nhà nước.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, buộc các bị cáo chi trả phí hình sự sơ thẩm; quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/7/2019 các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn Đ4, Nguyễn Văn Đ2, Trần Văn T6; Phạm Văn P; Phạm Văn D, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T4, Phạm Văn T12, Phạm Quốc B1 kháng cáo xin được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương.

Ngày 15/7/2019 bị cáo Nông Đức T9 có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Phần kết luận tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất, vai trò, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các vấn đề liên quan đến kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát xác định bị cáo Đtuy có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự, khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, bản thân bị cáo thừa nhận trước đó đã từng cho T6, T9, T12, B1 đánh bạc tại nhà của bị cáo, dụng cụ đánh bạc là của bị cáo. Do đó mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp, không có căn cứ để chuyển biện pháp cải tạo như đơn kháng cáo của bị cáo, cũng như đề nghị của UBND xã YL. Đối với bị cáo Nông Đức T9, Phạm Văn T12 không tiền án, tiền sự, đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khi phạm tội đã thành khẩn khai báo. Sau khi xét xử sơ thẩm thì bị cáo T12 cũng đã nộp đủ tiền phạt và án phí. Tuy nhiên bị cáo Nông Đức T9 có nhân thân xấu đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “đánh nhau” và bị cáo Phạm Văn T12 đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “hủy hoại tài sản” mặc dù đã được xóa, nhưng trước khi bị bắt lần này thì trước đó bị cáo T9 và T12 cũng đã từng đến nhà của bị cáo Đ tham gia đánh bạc, do vậy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp, không có căn cứ để chuyển biện pháp cải tạo như đơn kháng cáo của bị cáo, cũng như đề nghị của UBND xã Yên Lãng. Bị cáo Phạm Văn Đ4 có đơn xin hưởng án treo nhưng chưa khắc phục nộp tiền phạt và tiền án phí nên không có cơ sở cho bị cáo được hưởng án treo. Các bị cáo gồm P, Đ2, T4, T1, T6, D, B1 đều có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự, đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do vậy xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù vẫn đủ sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tòa án cấp

sơ thẩm buộc 7 bị cáo này phải chấp hành hình phạt tù là có phần nghiêm khắc, sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo P, Đ2, T4, T1, T6, D, B1 cũng đã tự nguyện nộp đầy đủ tiền phạt và án phí theo bản án sơ thẩm đã tuyên. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn Đ4, Nông Đức T9, Phạm Văn T12, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đối với bị cáo Đ, Đ4, T9, T12; Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Đ2, Trần Văn T6, Phạm Văn P, Phạm Văn D, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T4, Phạm Quốc B1, sửa bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, giữ nguyên mức hình phạt cho các bị cáo hưởng án treo.

Các bị cáo không tranh luận gì, lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định, được đưa ra xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Bị cáo Nguyễn Văn Đ khai nhận vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 25/01/2019 bị cáo đang ở nhà thì có Phạm Văn Đ4, Nguyễn Văn Đ2 đến nhà bị cáo và bị cáo đã đồng ý cho Đ4 và Đ2 đánh bạc tại nhà bị cáo, Đ4 và Đ2 đã mượn 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân và địa điểm là phòng khách nhà bị cáo để “Đánh bạc” sau đó thì có Trần Văn T6, Phạm Văn P đến, sau P là bị cáo Phạm Văn D rồi Nông Đức T9, Phạm Văn T12, còn Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T4, Phạm Quốc B1 đến sau, các bị cáo đánh bạc bằng hình thức đánh ba cây được thua bằng tiền. Đ đã thu phí của 07 người tham gia đánh bạc được tổng số tiền 70.000đ. Đến khoảng 22h45 phút cùng ngày khi 10 người trên đang tham gia đánh bạc thì bị tổ công tác Công an huyện Đại Từ cùng Công an xã Yên Lãng, huyện Đại Từ phát hiện bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc và trên người của những người đánh bạc tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 9.880.000đ; và 70.000đ do Đ thu phí của 07 người tại chiếu bạc cùng một số vật chứng có liên quan, 10 bị cáo khác trong vụ án cũng thừa nhận lời khai của bị cáo Đ là đúng sự thật.

Với hành vi trên Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Gá bạc” theo điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; các bị cáo

Phạm Văn Đ4, Nguyễn Văn Đ2, Phạm Văn T12, Nông Đức T9, Trần Văn T6, Phạm Văn P, Phạm Văn D, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T4, Phạm Quốc B1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Đ thấy rằng: Bị cáo không phải chủ mưu tổ chức cho các con bạc đến nhà bị cáo đánh bạc, cũng không phải là người đánh bạc, tuy nhiên bị cáo đã tạo điều kiện để cho 10 người khác đánh bạc tại nhà của bị cáo, ngoài ra bị cáo còn cung cấp dụng cụ phục vụ cho việc đánh bạc và có hành vi thu tiền hồ do những người đánh bạc nộp cho bị cáo, do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm về tội độc lập đó là tội “Gá bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 322 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự, khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, bản thân bị cáo cũng thừa nhận trước đó đã từng cho T6, T9, T12, B1 đánh bạc tại nhà của bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, không có căn cứ để chuyển biện pháp cải tạo như đơn kháng cáo của bị cáo, cũng như đề nghị của UBND xã Yên Lãng. Cần giữ nguyên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn Đ4, Nguyễn Văn Đ2, Phạm Văn T12, Nông Đức T9, Trần Văn T6, Phạm Văn P, Phạm Văn D, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T4, Phạm Quốc B1, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hai bị cáo Nông Đức T9 và Phạm Văn T12 không tiền án, tiền sự, đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khi phạm tội đã thành khẩn khai báo. Sau khi xét xử sơ thẩm thì bị cáo T12 cũng đã thi hành xong khoản tiền phạt bổ sung và án phí sơ thẩm; tuy nhiên bị cáo Nông Đức T9 có nhân thân xấu đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “đánh nhau” và bị cáo Phạm Văn T12 có nhân thân xấu đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “hủy hoại tài sản” mặc dù đã được xóa, không coi là tiền sự, nhưng trước khi bị bắt lần này thì bị cáo T9 và T12 cũng đã từng đến nhà của bị cáo Đ tham gia đánh bạc, do vậy để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung thì cần thiết buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù như bản án sơ thẩm đã tuyên. Có như vậy mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo T9 và bị cáo T12. Còn 08 (tám) bị cáo gồm Nguyễn Văn Đ2, Phạm Văn Đ4, Trần Văn T6, Phạm Văn P, Phạm Văn D, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn T1, Phạm Quốc B1 đều có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và

thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khi phạm tội đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải. Xét trong vụ án cụ thể này với tính chất , mức độ tham gia của các bị cáo, thấy rằng: Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng được chính quyền địa phương xác nhận và đề nghị cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương. Hội đồng xét xử thấy không cần cách ly xã hội đối với các bị cáo là phù hợp, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm chưa phân hóa rõ hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo mà tuyên phạt các bị cáo đều 06 (sáu) tháng tù như nhau là chưa phù hợp, vì có bị cáo đến trước, có bị cáo đến sau tham gia đánh bạc. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo Nguyễn Văn Đ2, Trần Văn T6, Phạm Văn P, Phạm Văn D, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn T1, Phạm Quốc B1 đã thi hành xong khoản tiền phạt bổ sung và án phí theo bản án sơ thẩm đã tuyên, điều đó thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo .Do vậy các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào , các bị cáo tham gia vai trò đồng phạm giản đơn , thực hiện hành vi do bột phát .Căn cứ vào Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP/TANDTC ngày 15/5/2018 thấy có đủ căn cứ chấp nhận kháng cáo của 08 bị cáo. Xét vai trò của từng bị cáo thấy cần chuyển biện pháp cải tạo từ hình phạt tù sang cho hưởng án treo đối với các bị cáo Nguyễn Văn Đ2, Phạm Văn Đ4, Trần Văn T6, Phạm Văn P, Phạm Văn D.Với mức độ tham gia của các bị cáo T4, T1, B1 xử phạt các bị cáo cải tạo không giam giữ là phù hợp. Các bị cáo T4, T1, B1 có hoàn cảnh khó khăn, chủ yếu làm nghề nông, thu nhập không thường xuyên nên Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo T4, T1, B1.

[6] Các bị cáo được chấp nhận kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, các bị cáo không được chấp nhận kháng cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Đ4 thuộc diện hộ nghèo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 NQ số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì không phải chịu án phí, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm vẫn buộc bị cáo phải chịu án phí là chưa đúng do đó cấp phúc thẩm cần sửa lại cho đảm bảo tính chính xác và đảm bảo quyền lợi cho bị cáo

[7] Như phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Các bị cáo không tranh luận gì, lời nói sau cùng các bị cáo đều xin được cải tạo tại địa phương.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nông Đức T9, Phạm Văn T12. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 52/2019/HS-ST ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đối với các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nông Đức T9, Phạm Văn T12.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm đ, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự; Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Đ2, Phạm Văn Đ4, Trần Văn T6, Phạm Văn P, Phạm Văn D, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn T1, Phạm Quốc B1. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 52/2019/HS - ST ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đối với các bị cáo Đ4, Đ2, T6, P, D, T4, T1, B1.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “*Gá bạc*”; Các bị cáo Nông Đức T9, Phạm Văn T12, Nguyễn Văn Đ2, Phạm Văn Đ4, Trần Văn T6, Phạm Văn P, Phạm Văn D, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn T1, Phạm Quốc B1 phạm tội “*Đánh bạc*”.

2. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Đ 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành bản án, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 25/01/2019 đến ngày 28/01/2019.

3. Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 (thêm khoản 2 đối với bị cáo T12) Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt:

- Bị cáo Nông Đức T9 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành bản án, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 25/01/2019 đến ngày 28/01/2019.

- Bị cáo Phạm Văn T1 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành bản án, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 25/01/2019 đến ngày 28/01/2019.

4. Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Văn Đ 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Bị cáo Phạm Văn Đ4 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Bị cáo Trần Văn T6 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Bị cáo Phạm Văn P 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Bị cáo Phạm Văn D06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn Đ2, Phạm Văn Đ4, Trần Văn T6, Phạm Văn P, Phạm Văn D cho UBND xã YL, huyện ĐT, tỉnh TN giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Yên Lãng trong việc giám sát và giáo dục các bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5. Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự; xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Văn T4 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày UBND xã Yên Lãng nhận được quyết định thi hành án và bản án, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/01/2019 đến ngày 28/01/2019 (01( một) ngày tạm giữ bằng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ).

- Bị cáo Nguyễn Văn T106 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày UBND xã Yên Lãng nhận được quyết định thi hành án và bản án, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/01/2019 đến ngày 28/01/2019. (01(một) ngày tạm giữ bằng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ).

- Bị cáo Phạm Quốc B1 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày UBND xã Yên Lãng nhận được quyết định thi hành án và bản án, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/01/2019 đến ngày 28/01/2019.(01(một) ngày tạm giữ bằng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ)

Giao các bị cáo Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn T1, Phạm Quốc B1 cho UBND xã Yên Lãng để giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo T4, T1, B1 có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Yên Lãng trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Miễn việc khấu trừ thu nhập cho 03 bị cáo T4, T1, B1.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

6. Ghi nhận các bị cáo Nguyễn Văn Đ2, Trần Văn T6, Phạm Văn P, Phạm Văn D, Phạm Văn T12, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T4, Phạm Quốc B1 đã thi hành xong tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐT, tỉnh TN. Bị cáo P biên lai số 0001246 ngày 03/9/2019. Bị cáo T1 biên lai số 0001247 ngày 03/9/2019. Bị cáo Đ2 biên lai số 0001301 ngày

19/9/2019. Bị cáo B1 biên lai số 0001302 ngày 19/9/2019. Bị cáo T6 biên lai số 0001303 ngày 19/9/2019. Bị cáo D biên lai số 0001304 ngày 19/9/2019. Bị cáo T4 biên lai số 0001305 ngày 19/9/2019. Bị cáo T12 biên lai số 0001306 ngày 20/9/2019.

7. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14. Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nông Đức T9, Phạm Văn T12 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm; Các bị cáo Phạm Văn P, Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T4, Trần Văn T6, Phạm Văn Đ4, Phạm Văn D và Phạm Quốc B1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đ4.

8. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh TN;
- Sở Tư pháp tỉnh TN;
- TAND huyện ĐT;
- VKSND huyện ĐT;
- Công an huyện ĐT;
- Chi cục THADS huyện ĐT;
- UBND xã YL;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Quế**

